

**TAND HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ – ST

Ngày 14/6/2019

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Chung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thạch

Ông Bùi Tấn Ba

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2019/TLST – HN&GD, ngày 26 tháng 02 năm 2019, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Thu H, sinh năm 1977; (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn C, sinh năm 1974; (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Thôn Bình Y, xã B, huyện B, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Bùi Thị Thu H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn C vào ngày 17/3/1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Kh, huyện B, tỉnh Q. Tuy nhiên trong thời gian chung sống, anh C thường xuyên uống rượu, đánh đập và sỉ nhục chị. Chị đã nhiều lần nhịn nhục để nuôi con nhưng anh C vẫn chứng nào tật nấy. Nay chị xét thấy không thể chung sống với anh Cường được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung: Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 18/10/1998; Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 09/5/2001; Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 24/3/2006. Cháu Nguyễn Thị Hồng V và cháu Nguyễn Thị Nh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn

Thị Hồng Nh, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 02 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Nguyễn C trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Bùi Thị Thu H về việc kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, anh không đồng ý với lời trình bày của chị H. Vào năm 2014, chị H vào thành phố H làm ăn được một năm rồi về. Sau đó, chị H đi vào tỉnh B bán quán nhậu bê thui cho anh T là chủ quán. Ngày 30/4/2015, anh vào thành phố H thăm 02 con gái thì nghe chị T (bán quán chung với vợ anh) gọi điện cho anh bảo: “*anh C ơi, con H đi nhà nghỉ với trai, bị họ đánh lỗ đầu rồi, em đã gọi cứu thương đi cấp cứu, nằm bệnh viện tỉnh Bình Dương, anh xuống nuôi, không em bỏ chết*”. Sau đó, anh xuống tỉnh B nuôi chị H, rồi dần về quê Q chăm sóc. Chị H ở nhà được 04 ngày rồi bỏ nhà đi vào tỉnh B sống được 03 năm. Chị H bỏ nhà đi, bỏ con lại cho anh nuôi dưỡng. Nay chị H về quê, lén lấy giấy tờ rồi làm đơn xin ly hôn anh. Trong quá trình chung sống, anh không có đánh đập và sỉ nhục chị H, bản thân anh lâu lâu mới uống rượu. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh, anh không đồng ý, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ, lo làm ăn nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng ly hôn, anh xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hồng Nh, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39, 68, 191, 195, 196, 203, 205, 207, 208, 209, 210, 211, 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền thụ lý, về việc nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án và thông báo thụ lý vụ án cho đương sự, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, Thẩm phán thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng trình tự, thủ tục quy định, đảm bảo đúng thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tham gia phiên tòa, Tòa án tổng đạt các thông báo, văn bản tố tụng cho đương sự.

Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị

Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Thu H xin ly hôn anh Nguyễn C. Chị Bùi Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 17 tháng 3 năm 1998, anh Nguyễn C và chị Bùi Thị Thu H đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Q nên quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị H cho rằng anh C thường xuyên uống rượu, đánh đập và sỉ nhục chị. Về phí anh C khẳng định: Anh lâu lâu mới uống rượu một lần, trong quá trình chung sống, vợ chồng có cãi vã chứ anh không có đánh đập, sỉ nhục chị H. Nay chị H xin ly hôn anh là do chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên anh không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu của đương sự thì thấy rằng: Theo nội dung cung cấp của UBND xã B trong biên bản làm việc với Tòa án ngày 09 tháng 5 năm 2019: *“Vợ chồng chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn C từ khi kết hôn đến nay đều chấp hành tốt pháp luật, không xảy ra đánh đập hay cãi vã nhau, UBND xã cũng như Hội LHPN xã không nhận được bất kỳ đơn thư nào của chị H, anh C về việc yêu cầu giải quyết các mâu thuẫn vợ chồng.....Theo một số nguồn tin của một số chị em phụ nữ sinh sống gần nhà chị H, anh C cung cấp thì chị H đi làm ăn xa nên có phát sinh quan hệ tình cảm với người khác nên lập trường, tư tưởng về hôn nhân không ổn định, về nhà lấy có chồng hay uống rượu say xỉn để nảy sinh ý tư tưởng ly hôn với anh C....Trước đây, anh C cũng hay uống rượu nhưng hiện nay anh C đã thay đổi và đã hạn chế rất nhiều việc uống rượu. Việc bạo lực trong gia đình là hoàn toàn không có vì anh C có tính tình nhút nhát, hiền lành”*.

UBND xã B xác định mâu thuẫn của vợ chồng anh C, chị H là chưa đến mức trầm trọng và đề nghị Tòa án tiến hành động viên, hòa giải để vợ chồng anh, chị được đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Qua những chứng cứ Tòa án đã thu thập thì Hội đồng xét xử thấy việc chị H xin ly hôn anh C là không có cơ sở, không phù hợp với căn cứ ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét lời khai của anh C phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, đồng thời anh C vẫn tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, để tạo điều kiện cho vợ chồng chị được đoàn tụ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nên không chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Thu H xin ly hôn anh Nguyễn C.

[1.2] Về nuôi con chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên về con chung không xem xét, giải quyết.

[2] Về án phí: Chị Bùi Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*).

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Thu H xin ly hôn anh Nguyễn C.

2. Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên về con chung không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B (theo Biên lai số AA/2016/0002582 ngày 26 tháng 02 năm 2019).

Chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14 tháng 6 năm 2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Đình Chung

